

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Đức Nhân và bà Hồ Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Phương Thanh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1969; nơi cư trú: tổ 1B, khu 7, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị đơn: anh Đặng Đức T, sinh năm 1968; nơi đăng ký thường trú: tổ 1B, khu 7, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Về tình cảm: chị P và anh Đặng Đức T chung sống và kết hôn năm 1999 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/4/1999 tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và anh T đã có 02 con riêng với người phụ nữ này. Vì vậy, từ năm 2018 đến nay, anh T đã thường xuyên công khai chung sống với người phụ nữ đó tại xóm X, thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương và mỗi tháng chỉ về chung sống cùng chị P vài ngày rồi lại đi. Mâu thuẫn vợ chồng như trên làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vợ chồng và tinh thần của chị P, nhưng vì thương các con nên chị P vẫn cố gắng chịu đựng. Nay

chị P không thể chịu đựng hơn được nữa về mặt tinh thần, chị P đề nghị Toà án giải quyết cho chị P ly hôn với anh T.

Về con chung: anh T và chị P có 04 con chung gồm: Đặng Hải Y, sinh năm 1993, Đặng Ngọc A, sinh năm 1996, Đặng Thị T sinh năm 2005 và Đặng Thu H, sinh ngày 24/3/2011. Chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Thu H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị P. Đối với 03 con chung còn lại đều đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất, về tinh thần nên chị P không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị P và anh T không có tài sản và khoản nợ chung.

** Bị đơn anh Đặng Đức T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà trình bày:*

- Về tình cảm: xác nhận về thời điểm chung sống, kết hôn lời khai như chị P trình bày nêu trên. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ tên H và anh T đã có 02 người con riêng với người phụ nữ này. Chính vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T khi thì về sinh sống cùng mẹ đẻ và khi thì về sinh sống với chị H cùng 02 con tại xóm X, thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương, còn đối với chị P anh T chỉ qua lại vì con, còn về về mặt tình cảm vợ chồng không còn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không nhất trí với quan điểm xin ly hôn của chị P vì cho rằng giữa anh T và chị P còn vướng mắc với nhau về tài sản. Tại phiên toà, anh T nhất trí với quan điểm của chị P về việc xin ly hôn.

- Về con chung: anh T xác nhận anh, chị có 04 con chung, tên tuổi các con chung như chị P trình bày nêu trên là đúng. Anh T nhất trí với quan điểm của chị P về con chung như nêu ở phần trên.

- Về tài sản chung: vợ chồng có tài sản chung nhưng anh T không đề nghị Toà án giải quyết trong vụ án này.

- Về khoản nợ chung: không có

Các tài liệu, chứng cứ chị Nguyễn Thị Kim P gửi kèm theo đơn khởi kiện gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn, 02 căn cước công dân, 04 giấy khai sinh và 01 văn bản xác nhận thông tin nơi cư trú.

Các tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập gồm: bản tự khai của chị Nguyễn Thị Kim P và anh Đặng Đức T, lời khai của con chung Đặng Thu H, sinh ngày 24/3/2011 có nguyện vọng được chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng; biên bản xác minh ngày 01/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố H về thực trạng cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị P.

** Tại phiên toà, Kiểm sát Viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc mở phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đúng quy định. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, của nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

-Về nội dung: Căn cứ nội dung chị Nguyễn Thị Kim P và anh Đặng Đức T về mâu thuẫn vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều: 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim P và giao con chung Đặng Thu H cho chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự; tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn phổ H. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

1- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: chị P và anh T chung sống, kết hôn năm 1999, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự nêu trên đủ cơ sở xác định: do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác từ năm 2019 và có 02 con chung với người phụ nữ này đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anh T nhất trí với quan điểm của chị P về việc ly hôn. Do đó, đủ căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị P, xử cho chị P ly hôn với anh T.

- Về con chung: anh, chị đều xác nhận có 04 con chung tên tuổi như nêu trên, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, anh, chị đều thoả thuận chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Thu H, sinh ngày 24/3/2011 và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị P. Xét sự thoả thuận của các đương sự là phù hợp, cần ghi nhận. Đối với có 03 con chung đã thành niên, các đương sự đều xác nhận không có nhược điểm về thể chất, tinh thần và không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xét.

- Về tài sản chung: chị P trình bày vợ chồng không có tài sản chung, còn anh T trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này. Hội đồng xét xử thấy: các đương sự nếu có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về khoản nợ chung: các đương sự đều trình bày không có, nên không xét.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều: 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí.

[2] Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P, về việc: “tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

- Về tình cảm: xử cho chị Nguyễn Thị Kim P ly hôn với anh Đặng Đức T.

- Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Kim P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Đặng Thu H, sinh ngày 24/3/2011 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đặng Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị P.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

2. Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp, theo biên lai thu số 0000944 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố H;
- VKSND Tỉnh Quảng Ninh;
- UBND ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự TP H;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng